TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - HUẾ** **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 174/2025/QĐST-HNGĐ	*Huế, ngày 06 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 152/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Bùi Hữu B, sinh năm 1989. Nơi thường trú: Thôn C, xã V, thành phố Huế. Căn cước công dân số 046089001XXX, cấp ngày 24/4/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Bộ Công an.

- Chị Huỳnh Thị Quỳnh Nh, sinh năm 1996. Nơi thường trú: Thôn N, xã P, thành phố Huế. Căn cước công dân số 046196010XXX, cấp ngày 09/8/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Bộ Công an.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Hữu B và chị Huỳnh Thị Quỳnh Nh có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là xã V, thành phố Huế) vào ngày 09 tháng 4 năm 2018. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống, anh B và chị Nh thừa nhận nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau nên dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình nhiều lần hòa giải, khuyên bảo nhưng giữa hai vợ chồng cũng không tự hàn gắn để chung sống với nhau. Xét thấy, anh B và chị Nh tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Bùi Hữu B và chị Huỳnh Thị Quỳnh Nh.

[2] Về con chung: Anh Bùi Hữu B và chị Huỳnh Thị Quỳnh Nh có 01 con chung là cháu Bùi Thảo M, sinh ngày 18/12/2018. Hai bên đã thỏa thuận là giao cháu Thảo M cho anh Bùi Hữu B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Nh phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng

2.000.000 đồng đến khi cháu trưởng thành.

Xét sự thỏa thuận về nuôi con chung của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần được công nhận.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ chung: Anh Bùi Hữu B và chị Huỳnh Thị Quỳnh Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Hữu B và chị Huỳnh Thị Quỳnh Nh.

- Về con chung: Giao người con chung Bùi Thảo M, sinh ngày 18/12/2018 cho anh Bùi Hữu Bình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Nh phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng từ ngày Quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Kể từ ngày anh Bình có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Như không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, thì hàng tháng chị Như còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với khoản tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ chung: Anh Bùi Hữu B và chị Huỳnh Thị Quỳnh Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng. Anh Bùi Hữu B phải chịu 150.000 đồng và chị Huỳnh Thị Quỳnh Nh phải chịu 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà anh, chị đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000480, 0000481 và 0000492, ngày 08/10/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Huế. Anh B và chị Nh đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 4 - Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Phòng THADS khu vực 4 - Huế;
- UBND xã V;
- Đương sự;
- Lưu án văn; Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú